TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HSST
Ngày 04 tháng 02 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm
Hội thẩm nhân dân: Ông Bạch Long Hạc
Ông Lê Đức Hải

- Thư ký phiên tòa: Dương Hữu Yến Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thiệt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 239/2025/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Lấc Văn Hà L - sinh ngày 25/9/1991 tại Khánh Hòa
Nơi thường trú: 29/06/42 T, phường V - thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: D đường C, phường A - quận C (nay là phường N), thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao Động Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông LOEUK SA VANN (Lấc S, Lấc X) và bà Phạm Thị T; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/6/2025 tại Phân trại tạm giam N thuộc Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh K; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Thị Kim H - Văn phòng Luật sự Nguyễn Trung T1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Địa chỉ: D Q, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969
Địa chỉ: C tổ E đường H, phường V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ngân hàng thương mại cổ phần V1
Địa chỉ: H L, quận Đ, thành phố Hà Nội.
- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V1: ông Lê Đình H1; địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà C, số D N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh *(Văn bản ủy quyền số 75/2025/UQN-PGD ngày 31/3/2025)*.
2. Ông Nguyễn Trung T2, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn V, phường T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Lê Thị Thanh H2, sinh năm 1987

Địa chỉ: C tổ E đường H, phường V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông Huỳnh Tấn Công T3, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố D, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

5. Ông Loeuk Sa V (Lấc S, Lấc X), sinh năm 1963

Địa chỉ: C N, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Loeuk Sa V có mặt; các ông Lê Đình H1, Nguyễn Trung T2, Lê Thị Thanh H2, Huỳnh Tấn Công T3 vắng mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:* Bà Cao Thị Thu T4, sinh năm 1965

Địa chỉ: A N, phường N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lấc Văn Hà L được Phòng C2 Công an tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tố số: 017477 ngày 05/9/2016, đứng tên chủ xe: Lấc Văn Hà L đối với xe ô tô con nhãn hiệu Huyndai biển kiểm soát 79A-125.10.

Ngày 08/9/2016, L và chồng là ông Huỳnh Tấn C T3 ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp xe ô tô với Ngân hàng thương mại cổ phần V1 (sau đây gọi tắt là V2) để vay số tiền 270.000.000 đồng, thời hạn vay 06 năm và tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là xe ô tô con biển kiểm soát 79A-125.10. Theo đó, V2 giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 017477 cấp ngày 05/9/2016, đứng tên chủ xe: Lấc Văn Hà L.

Trong thời gian vay vốn, L lên mạng xã hội "Facebook" tìm người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tố số: 017477, biển kiểm soát 79A-125.10, đứng tên chủ xe: Lấc Văn Hà Lin, cấp ngày 05/9/2016. Việc làm giả giấy tờ trên, L không nói cho ông T3 biết. Sau khi có được Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, L nói dối ông T3 rằng mình đã tự thanh toán xong khoản vay của Ngân Hàng và đã nhận lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe.

Ngày 29/5/2018, tại Văn phòng C3, địa chỉ: số H đường Y, phường N, tỉnh Khánh Hòa, L và ông T3 ký hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô hiệu Huyndai biển kiểm soát 79A-125.10 cho ông Nguyễn Văn L1 với giá ghi trong hợp đồng là 100.000.000 đồng, trong khi giá mua bán thực tế theo thỏa thuận miệng các bên là 255.000.000 đồng. Khi thực hiện giao dịch, L đưa ông L1 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Đến ngày 05/6/2018, ông L1 và vợ là bà Lê Thị Thanh H2 tiếp tục chuyển nhượng xe ô tô trên cho ông Nguyễn Trung T2 với giá ghi trong hợp đồng công chứng là 100.000.000 đồng, trong khi giá mua bán thực tế là 282.000.000 đồng; ông L1 giao xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký giả mang tên "Lấc Văn Hà L" cho ông T2.

Ngày 12/6/20218, ông T2 đến Phòng C2 - Công an tỉnh K để làm thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu đối với chiếc xe ô tô trên thì phát hiện Giấy chứng nhận đăng ký thật của chiếc xe đang được thế thấp tại V2. Sau khi phát hiện sự việc, ông T2 gọi điện thoại báo ông L1, ông L1 tiếp tục liên hệ với L thì L thừa nhận Giấy chứng nhận đăng ký đã giao cho ông L1 là giấy tờ giả và xác nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe thật đang thế chấp tại V2, đồng thời viết giấy cam kết đề ngày 30/07/2018 hẹn đến ngày 07/08/2018 sẽ giao Giấy chứng nhận đăng ký xe thật cho ông L1. Tuy nhiên, sau đó, L không thực hiện như đã cam kết nên ông T2 và ông L1 trình báo sự việc đến Cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận giám định số 431/2024/KL-KTHS ngày 27/07/2024, Phòng K, Công an tỉnh K kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên "Lấc Văn Hà L" dưới mục "Kí tên" trên tài liệu cần giám định - ký hiệu Al, dưới mục "BÊN BÁN XE" trên tài liệu cần giám định - ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên "Lấc Văn Hà Lin" trên các tài liệu mẫu so sánh - ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra.

+ Điểm chỉ dấu vân tay số 1 (thứ tự từ trái sang phải) dưới chữ viết có nội dung "Lấc Văn Hà L" ở mục "Bên bán xe" trên tài liệu cần giám định - ký hiệu A2 so với điểm chỉ dấu vân tay in ở ô "Ngón trỏ trái", "Trỏ trái" trên các tài liệu mẫu so sánh - ký hiệu M1, M2, M3 là cùng một người. Điểm chỉ dấu vân tay số 2 (thứ tự từ trái sang phải) dưới chữ viết có nội dung "Lấc Văn Hà L" ở mục "Bên bán xe" trên tài liệu cần giám định - ký hiệu A2 so với điểm chỉ dấu vân tay ở ô "ngón trỏ phải", "Trỏ phải" trên các tài liệu mẫu so sánh - ký hiệu M1, M2, M3 là của cùng một người. 03 điểm chỉ dấu vân tay còn lại dưới mục "BÊN BÁN XE" trên tài liệu cần giám định - ký hiệu A2 so với điểm chỉ dấu vân tay trên các tài liệu mẫu so sánh - ký hiệu M1, M2, M3 là không phải cùng một người.

+ Giấy "CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ" số: 017477 (tài liệu cần giám định - ký hiệu A3) là **giả**.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1265/KL-HĐĐGTS ngày 27/12/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe ô tô hiệu Hyundai - Grand 110 biển kiểm soát 79A-125.10 có giá trị 342.790.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số 82/CT-VKSKV1 ngày 23/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa truy tố Lấc Văn Hà L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

1. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hoà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lấc Văn Hà L và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo *từ 07 (Bảy) năm đến 08 (T5) năm tù* về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo *từ 03 (Ba) năm đến 04 (B) năm tù* về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lấc Văn Hà L chấp hành hình phạt chung ***từ 10 (Mười) năm đến 12 (Mười hai) năm tù***, thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2025.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Bị cáo Lấc Văn Hà L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố; thống nhất với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

3. Luật sư Trần Thị Kim H bào chữa cho bị cáo thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do số tiền bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả cho ông L1, ông T2 đã vượt quá số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại. Về mức hình phạt, vị Luật sư cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a, b, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, cha mẹ thường xuyên đau ốm, bị cáo đã ly hôn và nuôi 02 con nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đang áp dụng đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi của bị cáo theo Cáo trạng truy tố:

Tại phiên toà, bị cáo Lấc Văn Hà L đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố; khẳng định những lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều tự nguyện, đúng sự thật, không bị bức cung. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác, Bản kết luận giám định số 431/2024/KL-KTHS ngày 27/7/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định:

Bị cáo Lấc Văn Hà L đã thuê người làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tố số: 017477, biển kiểm soát 79A-125.10, đứng tên chủ xe: Lấc Văn Hà Lin, cấp ngày 05/9/2016 nhằm sử dụng tài liệu giả này làm phương tiện gian dối trong việc chuyển nhượng tài sản. Ngày 29/5/2018, tại Văn phòng C3, bị cáo sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nêu trên để tạo cho ông Nguyễn Văn L1 niềm tin rằng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 79A-125.10 đủ điều kiện pháp lý để chuyển nhượng, từ đó ông L1 ký hợp đồng chuyển nhượng và giao tiền cho bị cáo. Qua đó, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn L1 số tiền 255.000.000 đồng.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa truy tố bị cáo Lấc Văn Hà L là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật và đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp *"chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" thuộc trường hợp *"Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo:

Đối với tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" thì hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước. Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thì hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của bị hại, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[5.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 265.000.000 đồng *(bị cáo và bị hại thống nhất việc bồi thường nêu trên được bị cáo giao trực tiếp cho*

ông Nguyễn Trung T2 và đã thực hiện xong); được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự khác mà Luật sư bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo:

Đối với tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét thấy việc bị cáo tự nguyện bồi thường, tác động gia đình bồi thường cho ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Trung T2 được thực hiện sau khi hành vi phạm tội đã hoàn thành nên không có căn cứ xác định bị cáo đã chủ động, kịp thời ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm.

Đối với tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại lớn về tài sản với số tiền 255.000.000 đồng, hậu quả đã xảy ra trên thực tế nên không thuộc trường hợp "gây thiệt hại không lớn".

Việc bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 265.000.000 đồng cho bị hại đã được Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Quyết định hình phạt:

Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa về việc áp dụng pháp luật là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo.

[6.1] Đối với tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức":

Hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, việc sử dụng tài liệu giả là phương thức trực tiếp để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng vẫn bảo đảm hiệu quả giáo dục, cải tạo bị cáo mà không làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật

[6.2] Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản":

Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt nghiêm khắc nhưng xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hậu quả của hành vi phạm tội đã được khắc phục toàn bộ và xét hoàn cảnh gia đình, bị cáo đã ly hôn và một mình nuôi 02 con nhỏ, cha

mẹ bị cáo đã lớn tuổi, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Điều này thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo, trở thành người có ích cho xã hội.

[6.3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung trong trường hợp phạm nhiều tội.

[7] Về vật chứng vụ án, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- 01 xe ô tô hiệu Huyndai - Grand I10 biển kiểm soát 79A-125.10, số khung MALA851AAGM377492, số máy G3LAFM47881 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 017477 là tài liệu liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội nên cần tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn L1 số tiền 265.000.000 đồng, theo đó bị cáo và bị hại thống nhất việc bồi thường nêu trên được bị cáo giao trực tiếp cho ông Nguyễn Trung T2 và đã thực hiện xong. Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Các vấn đề khác: Đối với công chứng viên, tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ thể hiện việc công chứng được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, công chứng viên không biết và không thể biết về thủ đoạn gian dối của bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Đối với ông Huỳnh Tấn Công T3, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xác định ông T3 biết hoặc cùng bị cáo thực hiện hành vi gian dối khi ký hợp đồng chuyển nhượng xe với bị hại. Do đó, không có căn cứ để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Huỳnh Tấn Công T3 và công chứng viên trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lấc Văn Hà L **06 *(Sáu)*** năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lấc Văn Hà L **03 *(Ba)*** năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là **09 *(Chín)*** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Lưu hổ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 017477.

- Trả lại cho bị cáo 01 xe ô tô hiệu Huyndai - Grand I10 biển kiểm soát 79A-125.10, số khung MALA851AAGM377492, số máy G3LAFM47881 *(Tình trạng vật chứng trên như Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 26/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K với Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa)*.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 - Khánh Hòa;
- UBND phường Nha Trang;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Khánh Hòa.
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm